Chi tiết mã HS 2933.19.00

Mã HS	2933.19.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố ni tơ / - Hợp chất có chứa một vòng pyrazol chưa ngưng tụ (đã hoặc chưa hydro hóa) trong cấu trúc: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:15:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29331900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4344
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4344
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4344
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4300
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4261
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4261
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4261
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4261
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4261
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4261
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4299
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4299
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4299
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4299
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4299
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4303
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4303
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4303
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4303
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4303
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4303
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4303
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4267
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4263
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4263
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4263
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4263
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4263
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4263
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4263
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4263
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4263
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4263
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4263
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4263
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4310
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4310
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4310
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4310
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4310
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4307
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4307
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4307
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4307
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4307
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4307
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4315
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4315
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4315
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4315
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4315
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4315
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4286
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4286
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4286
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4286
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4286
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4286
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4288
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4288
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4288
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4288
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4288
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4286
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4286
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4286
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4286
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4286
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4286
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4286
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4307
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4307
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4307
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4307
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4307
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4307
RCEP B	2022	2022	0	B!D4307
RCEP B	2023	2023	0	B!E4307
RCEP B	2024	2024	0	B!F4307
RCEP B	2025	2025	0	B!G4307
RCEP B	2026	2026	0	B!H4307
RCEP B	2027	2027	0	B!I4307
RCEP C	2022	2022	0	C!D4307
RCEP C	2023	2023	0	C!E4307
RCEP C	2024	2024	0	C!F4307
RCEP C	2025	2025	0	C!G4307
RCEP C	2026	2026	0	C!H4307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4307
RCEP D	2022	2022	0	D!D4307
RCEP D	2023	2023	0	D!E4307
RCEP D	2024	2024	0	D!F4307
RCEP D	2025	2025	0	D!G4307
RCEP D	2026	2026	0	D!H4307
RCEP D	2027	2027	0	D!I4307
RCEP E	2022	2022	0	E!D4310
RCEP E	2023	2023	0	E!E4310
RCEP E	2024	2024	0	E!F4310
RCEP E	2025	2025	0	E!G4310
RCEP E	2026	2026	0	E!H4310
RCEP E	2027	2027	0	E!I4310
RCEP F	2022	2022	0	F!D4307
RCEP F	2023	2023	0	F!E4307
RCEP F	2024	2024	0	F!F4307
RCEP F	2025	2025	0	F!G4307
RCEP F	2026	2026	0	F!H4307
RCEP F	2027	2027	0	F!I4307
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3961
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3961
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3961
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3961

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2933.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2933.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4344), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.